

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực: Lâm nghiệp,
Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4
năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong
giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của
Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình
Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính
trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 35/TTr-SNN ngày 09 tháng 02 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 06
thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực: Lâm

ng nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022; Quyết định 2091/QĐ-UBND ngày 6 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết các thủ tục hành chính trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTC);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, K10, K13, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TRONG LĨNH VỰC: LÂM NGHIỆP, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày _____ / 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH

ST T	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP								
1	-	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1.011470.000.00.00.H08	10 ngày	1/2 ngày	Chi cục Kiểm lâm giải quyết 08 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng thông qua kết quả: 1/2 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/2/2023

ST T	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					thông qua kết quả: 01 ngày.			

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

2	STT 10, Quyết định số 2091/QĐ- UBND ngày 6/7/2022	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản 2.001827.000.00.00.H08	a. Đối với Cơ sở chế biến; kinh doanh; kho lạnh bảo quản; sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản; kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm (tại cơ sở sản xuất kinh doanh) thực phẩm nông lâm thủy sản; Cơ sở thu gom, sơ chế độc lập; cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản; Chợ đầu mối đầu giá thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản và hỗn hợp; Cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh muối, muối i- ốt.				Quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 15/2/2023
			12 ngày	1/2 ngày	Phòng Quản lý chất lượng thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: 10 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày	Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: 01 ngày	
			b. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Cơ sở thu gom, sơ chế thực phẩm tại nơi trồng trọt có nguồn gốc thực vật				

ST T	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			12 ngày	1/2 ngày	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 10 ngày, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 1/2 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày	1/2 ngày	
			c. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Chợ đầu mối, đấu giá; Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ (bao gồm cơ sở giết mổ động vật tập trung); Cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.					
			12 ngày	1/2 ngày	Phòng Thú Y thuộc Chi cục chăn nuôi và Thú y: 10 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày	Lãnh đạo Chi cục chăn nuôi và Thú y: 01 ngày	1/2 ngày	

ST T	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				d. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản (cơ sở nuôi trồng thủy sản, tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên); Cảng cá.				
			12 ngày	1/2 ngày	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản: 10 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 01 ngày	1/2 ngày	
3	STT 11, Quyết định số 2091/QĐ- UBND ngày 6/7/2022	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp dưới 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) 2.001823.000.00.00.H08	12 ngày	1/2 ngày	Phòng Quản lý chất lượng thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: 10 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ	Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng	1/2 ngày	
				a. Đối với Cơ sở chế biến; kinh doanh; kho lạnh bảo quản; sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản; kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm (tại cơ sở sản xuất kinh doanh) thực phẩm nông lâm thủy sản; Cơ sở thu gom, sơ chế độc lập; cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản; Chợ đầu mối đầu giá thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản và hỗn hợp; Cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh muối, muối i-ốt.				

ST T	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					lý: 1/2 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày	Nông Lâm sản và Thủy sản: 01 ngày		
				b. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Cơ sở thu gom, sơ chế thực phẩm tại nơi trồng trọt có nguồn gốc thực vật				
			12 ngày	1/2 ngày	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 10 ngày, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 1/2 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày	1/2 ngày	
				c. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Chợ đầu mối, đấu giá; Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ (bao gồm cơ sở giết mổ động vật tập trung); Cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.				

ST T	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			12 ngày	1/2 ngày	Phòng Thú Y thuộc Chi cục chăn nuôi và Thú y: 10 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày	Lãnh đạo Chi cục chăn nuôi và Thú y: 01 ngày	1/2 ngày	
d. Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản (cơ sở nuôi trồng thủy sản, tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên); Căng cá.								
			12 ngày	1/2 ngày	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản: 10 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 01 ngày	1/2 ngày	
Tổng cộng: 03 TTHC								

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Bộ phận một cửa huyện/thị xã/thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện/ thị xã/ thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho bộ phận một cửa huyện/ thị xã/ thành phố)	
1	-	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện 1.011471.000.00.00.H08	10 ngày <i>(kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)</i>	1/2 ngày	Hạt Kiểm lâm cấp huyện giải quyết 08 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 6,5 ngày 3. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm thông qua kết quả: 01 ngày.	Lãnh đạo UBND huyện ký duyệt: 01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/2/2023
2	STT 01, Mục I Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 24/2/2022	Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên 1.000047.000.00.00.H08	10 ngày <i>(kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)</i>	01 ngày	Hạt Kiểm lâm cấp huyện giải quyết 7,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 6,5 ngày.	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện ký duyệt: 01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/2/2023
3	STT 01,	Xác nhận bảng kê lâm	a. Trường hợp không phải xác minh					

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Mục II Quyết định số 580/QĐ- UBND ngày 24/2/2022	(1) Tên thủ tục hành chính sản 1.000045.000.00.00.H08	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Bộ phận một cửa huyện/thị xã/thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện/ thị xã/ thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho bộ phận một cửa huyện/ thị xã/ thành phố)	
			02 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)</i>	1/4 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm cấp huyện giải quyết 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện ký duyệt: 1/4 ngày làm việc	-	1/4 ngày làm việc	Quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 15/2/2023
b. Trường hợp phải xác minh								
			04 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)</i>	1/4 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm cấp huyện giải quyết 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện ký duyệt: 1/4 ngày làm việc	-	1/4 ngày làm việc	Quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 15/2/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Bộ phận một cửa huyện/thị xã/thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện/ thị xã/ thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho bộ phận một cửa huyện/ thị xã/ thành phố)	
c. Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp								
			Không quá 08 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	1/4 ngày	Hạt Kiểm lâm cấp huyện giải quyết 7,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm phân công thụ lý: 1/4 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 07 ngày. 3. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện ký duyệt: 1/4 ngày	-	1/4 ngày	Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/2/2023
Tổng cộng: 03 TTHC								